

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS - PT

Ngày 07 - 01 - 2021

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa

Ông Phạm Ngọc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” do bản án dân sự số 35/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L bị bị đơn bà Vũ Tuyết N kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐ-PT ngày 03/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐ-PT ngày 18/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P

Địa chỉ: Tổ 21, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thiên H - Địa chỉ: Tổ 4, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Tuyết N

Địa chỉ: Số 067, đường T, tổ 02, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Anh Nguyễn Tiên Đ - Địa chỉ: Số nhà 26, ngõ 16, đường X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông Lâm Văn Q - Luật sư, Công ty Luật hợp danh Dân chính. Địa chỉ: Số 148, đường V, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân Q - Địa chỉ: Số nhà 030, đường N, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân Q: Ông Lê Thanh Hải - Địa chỉ: Tổ 26, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2020). Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Tuyết N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lê Thị P, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thiên H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Lê Thị P có cho bà Vũ Tuyết N vay tiền mục đích làm ăn kinh doanh. Cụ thể: Ngày 04/5/2018 bà P có cho bà N vay số tiền 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*), khi vay bà N có viết giấy biên nhận vay tiền và đưa cho bà P một số giấy tờ để làm tin. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn bà N vay là 01 tháng tính từ ngày 04/5/2018 đến ngày 04/6/2018. Tuy nhiên hết thời hạn vay tiền bà N không trả tiền cho bà P. Đến ngày 29/11/2019 bà N trả cho bà P 50.000.000đ, ngày 31/12/2019 bà N tiếp tục trả 30.000.000đ, khi trả tiền đều viết giấy trả vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc bà N còn nợ bà P là 1.020.000.000đ (*Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng*).

Vì vậy, bà P yêu cầu bà Vũ Tuyết N phải có trách nhiệm trả số tiền gốc là 1.020.000.000đ và tiền lãi như sau:

- Tính từ ngày 04/5/2018 đến ngày 04/6/2018 với mức lãi suất 2%/tháng là $1.100.000.000đ \times 2\% \times 01 \text{ tháng} = 22.000.000đ$.

- Từ ngày 05/6/2018 đến ngày 29/11/2019 tính trên số nợ gốc 1.100.000.000đ với mức lãi suất nợ quá hạn là 3%/tháng với thời gian là 17 tháng 24 ngày: $1.100.000.000đ \times 17 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 587.400.000đ$

- Từ ngày 30/11/2019 đến ngày 31/12/2019 tính trên số nợ gốc 1.050.000.000đ với mức lãi suất nợ quá hạn là 3%/tháng với thời gian là 01 tháng 01 ngày: $1.050.000.000đ \times 01 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 32.550.000đ$

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 16/8/2020 tính trên số nợ gốc 1.020.000.000đ với mức lãi suất nợ quá hạn là 3%/ tháng với thời gian là 07 tháng 15 ngày: $1.020.000.000đ \times 07 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 229.500.500đ$

Tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 16/8/2020 nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Vũ Tuyết N phải trả là $1.020.000.000đ + 871.450.000đ = 1.891.450.000đ$.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, tính lãi theo quy định của pháp luật, yêu

cầu tòa án buộc bà Vũ Tuyết N thanh toán tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/9/2020 tổng cộng số tiền 1.356.966.666 đồng (*Một tỷ ba trăm năm sáu triệu chín trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu sáu đồng*), trong đó tiền gốc là 980.000.000đ (*Chín trăm tám mươi triệu đồng*), tiền lãi là 376.966.666đ (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu sáu đồng*).

Bị đơn bà Vũ Tuyết N, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 04/5/2018 bà N có ký giấy vay tiền có nội dung bà Vũ Tuyết N có vay của bà Lê Thị P vay số tiền 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) nhưng thực tế bà N không quen biết bà P nên tại thời điểm ký giấy vay tiền bà P không giao cho bà N số tiền 1.100.000.000 đồng, mà do bà Tô Thị Thanh V biết bà N đang cần 500.000.000đ để kinh doanh nên đặt vấn đề với bà N là quen biết với bà P chuyên cho vay lãi có thể giúp bà N vay tiền. Bà V thống nhất với bà N vay 1.100.000.000 đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) trong đó bà V vay 600.000.000 đồng, bà N vay 500.000.000 đồng, còn giữa bà V và bà P thỏa thuận với nhau như thế nào bà N không biết.

Ngày 04/5/2018 bà V đưa bà N đến nhà ông Nguyễn Xuân Q, trú tại số nhà 030, tổ 16, phường P, thành phố L để ký giấy vay tiền đứng tên bà P là bên cho vay. Sau khi ký giấy vay tiền ông Q giao cho bà N số tiền 750.000.000 đồng, số tiền này bà V cầm 600.000.000 đồng và bà N cầm 150.000.000 đồng, sau đó bà P chuyển khoản thêm 350.000.000 đồng vào tài khoản của bà N, tổng cộng số tiền bà N vay là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*). Sau đó bà N trả được số tiền nợ như sau:

Lần 1: Cuối năm 2018 bà N đưa cho chị V 200.000.000 đồng, nhờ chị V trả nợ hộ. Số tiền này chị V đã chuyển cho ông Quý và được ông Quý xác nhận.

Lần 2: Trả cho bà P 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) vào ngày 29/11/2019

Lần 3: Trả cho bà P 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) vào ngày 31/12/2019

Lần 4: Ngày 23/01/2020, bà N chuyển khoản vào tài khoản bà P số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 23/3/2020, bà N chuyển khoản vào tài khoản bà P 10.000.000đồng.

Lần 6: Ngày 22/4/2020, bà N chuyển khoản vào tài khoản bà P số tiền 10.000.000 đồng.

Số tiền còn lại bà V thông báo là đã trả xong cho ông Q, bà P nên từ đó bà N không tiếp tục trả nợ.

Đối với yêu cầu của bà P về việc phải trả lãi tháng đầu tiên là 2% và các tháng tiếp theo lãi là 3% theo thỏa thuận của các bên là không có cơ sở, vì tại thời điểm vay bà N không quen biết bà P mặt khác trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất tháng đầu tiên 2% và các tháng tiếp theo là 3%.

Vì vậy, bà N không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ chấp nhận thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền là 270.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu lãi suất của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Q trình bày:

Ông Q có quan hệ quen biết với bà Tô Thị Thanh V và là cậu ruột của bà Lê Thị P, chỉ biết bà P, bà N và bà V có quan hệ bạn bè. Ông Q thừa nhận năm 2018 bà V có đưa cho ông 200.000.000đ, sau khi nhận ông đã chuyển trực tiếp số tiền trên cho bà P nhưng không có văn bản tài liệu nào chứng minh. Ông Q cũng thừa nhận số tiền 750.000.000đ có nhận từ bà P và chuyển lại cho bà N nhưng không có căn cứ gì chứng minh cho việc ông đã trực tiếp đưa cho bà N, khi đưa tiền có bà V ngồi cạnh lái xe. Số tiền 350.000.000đ còn lại bà P chuyển cho bà N như thế nào ông Q không biết.

Bản án số 10/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bà Vũ Tuyết N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị P số tiền 1.356.966.666 đồng (*Một tỷ ba trăm năm sáu triệu chín trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu sáu đồng*), trong đó tiền gốc là 980.000.000đ (*Chín trăm tám mươi triệu đồng*), tiền lãi là 376.966.666đ (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu sáu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/10/2020, bị đơn bà Vũ Tuyết N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, khắc phục các vi phạm tố tụng. Trường hợp không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối trừ khoản tiền 705.000.000 đồng đã trả cho ông Nguyễn Xuân Q vào nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn, trường hợp ông Q chưa chuyển trả cho nguyên đơn thì đề nghị Tòa án buộc ông Q có trách nhiệm trả cho nguyên đơn và bà Vũ Tuyết N không phải chịu lãi đối với khoản tiền vay nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị P là bà Nguyễn Thiên H giữ nguyên đơn khởi kiện, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Vũ Tuyết N là anh Nguyễn Tiến Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện

đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Tuyết N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố L, giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Vũ Tuyết N có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ, làm căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét Giấy vay tiền ngày 04/5/2018 giữa bên vay tiền bà Vũ Tuyết N với bên cho vay tiền bà Lê Thị P:

Giấy vay tiền mặt ngày 04/5/2018 giữa bà N với bà P được lập thành văn bản, thỏa thuận bà N vay của bà P số tiền 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*), lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 04/5/2018. Giấy vay tiền có đầy đủ chữ ký của bên vay tiền bà Vũ Tuyết N, bên cho vay bà Lê Thị P, người làm chứng bà Tô Thị Thanh V. Tại phần cuối của giấy vay tiền có dòng chữ viết tay xác nhận về việc bà Vũ Tuyết N nhận 750.000.000 đồng tiền mặt và 350.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Tuyết N cũng xác nhận có ký vào Giấy vay tiền ngày 04/5/2018. Xét thấy việc bà Vũ Tuyết N và bà Lê Thị P thỏa thuận và ký Giấy vay tiền là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Vũ Tuyết N.

[3.1] Về số tiền bà Vũ Tuyết N thỏa thuận vay của bà Lê Thị P:

Theo Giấy vay tiền ngày 04/5/2018, bà N thỏa thuận vay của bà P số tiền là 1.100.000.000 đồng. Bà N cho rằng thực tế bà N không quen biết bà P mà thỏa thuận vay tiền là thỏa thuận giữa bà P với bà Tô Thị Thanh V, bà N chỉ vay và nhận số tiền 500.000.000 đồng, số tiền còn lại 600.000.000 đồng là do bà Tô Thị Thanh V nhận và sử dụng. Khi giao nhận tiền thì bà N nhận từ ông Nguyễn Văn Quý số tiền 750.000.000 đồng nhưng bà chỉ sử dụng 150.000.000 đồng, sau đó bà P chuyển khoản thêm 350.000.000 đồng vào tài khoản của bà N. Tuy nhiên bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà chỉ vay số tiền là 500.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã yêu cầu bị đơn bà N cung cấp địa chỉ nơi ở hiện nay của người làm chứng bà Tô Thị Thanh V để có căn cứ triệu tập bà V đến làm việc về các vấn đề liên quan đến thỏa thuận vay tiền giữa bà N

với bà P. Tuy nhiên bà N không cung cấp địa chỉ của bà V cho Tòa án. Tại Biên bản xác minh ngày 13/7/2020 của TAND thành phố L thì bà Nguyễn Thị Việt H là mẹ đẻ của bà Tô Thị Thanh V cho biết bà V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 024, đường C, tổ 17, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên từ tháng 12/2019 đến nay bà V không sinh sống tại địa phương và chưa về nhà lần nào, không biết bà V đi đâu làm gì, không liên lạc được với bà V. Ông Nguyễn Đức S - Tổ trưởng tổ 17, phường C, thành phố L cho biết từ tháng 12/2019 bà V bỏ đi không còn sinh sống tại địa phương.

Trong phần cuối trang của Giấy vay tiền có dòng chữ: “*Tôi Vũ Tuyết N nhận 750.000.000 đồng tiền mặt và 350.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản của tôi*”, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày do thời gian đã lâu nên không nhớ ai là người viết dòng chữ này nhưng cũng không đề nghị Tòa án giám định chữ viết hay có ý kiến gì khác. Về việc bà N cho rằng bà nhận số tiền 750.000.000 đồng từ ông Nguyễn Xuân Q nhưng chỉ sử dụng 150.000.000 đồng, số tiền còn lại 600.000.000 đồng do bà Tô Thị Thanh V nhận và sử dụng nhưng bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà N thỏa thuận vay của bà P số tiền 1.100.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 04/5/2018 và đã nhận đủ số tiền này.

[3.2] Về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Theo Giấy vay tiền ngày 04/5/2018 các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 háng kể từ ngày 04/5/2018, đến hạn trả nợ thì bà N không thực hiện nghĩa vụ theo đã thỏa thuận. Tuy nhiên theo lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp thấy rằng từ ngày 29/11/2019 đến ngày 22/4/2020 bà N đã trả cho bà P số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) bằng hình thức trả tiền mặt trực tiếp ngày 29/11/2019 và ngày 31/12/2019 và chuyển khoản vào tài khoản của bà P ngày 23/01/2020, ngày 23/3/2020, ngày 22/4/2020.

Bà N cho rằng cuối năm 2018 có đưa cho ông Nguyễn Xuân Q - Địa chỉ: Số nhà 030, đường N, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai số tiền 200.000.000 đồng để ông Q trả cho bà P. Tại Biên bản đối chất ngày 22/7/2020 tại TAND thành phố L ông Q năm 2018 bà V có đưa cho ông 200.000.000 đồng, sau đó ông Q đã trực tiếp chuyển lại số tiền này cho bà P. Tại cấp phúc thẩm ông Q có khai nhận của bà V số tiền 200.000.000 đồng nhưng bà V đưa cho ông trả cho khoản vay nào thì ông không nhớ cụ thể, ông Q không nhận tiền của bà N. Bà N cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc đã đưa số tiền 200.000.000 đồng cho ông Q để trả nợ cho bà P khoản tiền vay theo Giấy vay tiền ngày 04/5/2018.

Đối với số tiền 505.000.000 đồng bà N cho rằng đã đưa cho bà V vào ngày 08/11/2018 để bà V thanh toán trực tiếp cho ông Q đã được ông Q xác nhận qua tin nhắn điện thoại và tin nhắn zalo: Xét thấy theo nội dung tin nhắn (ảnh chụp do bà N cung cấp) thì chỉ có nội dung về việc bà N hỏi ông Q: “*Vân chuyển trả giúp em cho anh 500 triệu tiền gốc và 5 triệu tiền lãi chưa anh*”, ông Q trả lời “*Anh nhận được rồi em*”. Tuy nhiên nội dung tin nhắn không thể hiện khoản tiền 500 triệu tiền gốc và 5 triệu tiền lãi là bà N nhờ bà V chuyển trả cho ông Q chứ không

có nội dung khoản tiền này là thanh toán khoản tiền vay của bà Lê Thị P theo Giấy vay tiền ngày 04/5/2018.

Xét thấy, phạm vi vụ án đang giải quyết mối quan hệ vay tiền giữa bà P với bà N, vì vậy bà N yêu cầu Tòa án khấu trừ các khoản tiền mà bà đã đưa cho ông Nguyễn Xuân Q vào khoản tiền vay của bà P theo Giấy vay tiền ngày 04/5/2018 là không có căn cứ, bà N có thể khởi kiện buộc ông Nguyễn Xuân Q có trách nhiệm trả tiền cho mình trong một vụ án độc lập khác.

[3.3] Về lãi suất:

Theo Giấy vay tiền ngày 04/5/2018 thì lãi suất cho vay các bên tự thỏa thuận. Nguyên đơn bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà N phải chịu tiền lãi suất đối với khoản tiền vay theo quy định của pháp luật. Bà N không nhất trí cho rằng thực tế các bên thỏa thuận vay nặng lãi với lãi suất 2.500 đồng/1 triệu/ 1 ngày nên thỏa thuận này là vi phạm pháp luật, do đó không áp dụng lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc bà N cho rằng các bên thỏa thuận vay nặng lãi không có căn cứ chứng minh, Tòa án sơ thẩm nhận định các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất và áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để xác định về lãi suất là có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của bà N về lãi suất là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Vũ Tuyết N có cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ như bản sao kê của ngân hàng, các file ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa bà N với ông Q. Tuy nhiên, các chứng cứ này không chứng minh việc bà N đã trả nợ cho bà P khoản tiền theo Giấy vay ngày 04/5/2018. Ngoài ra, bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó kháng cáo của bà N không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Vũ Tuyết N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Tuyết N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 10/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Vũ Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số

AB/2012/0008656 ngày 16/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Lâm Hồng